

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN N
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 99/2018/DSST.

Ngày: 15-11-2018

V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN N - TỈNH ĐỒNG NAI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Duy Thúc

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lâm Ngọc Trao

2. Bà Phan Thị Hiếu

Thư ký phiên tòa: Bà Lý Kim Yến – Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: Ông Đinh Tuấn Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 11 năm 2018, tại phòng xét xử của Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 201/2018/TLST-DS ngày 15 tháng 8 năm 2018 về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 103/2018/QĐXX-DS ngày 10 tháng 10 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 107/QĐST-DS ngày 30 tháng 10 năm 2018 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Công ty tài chính trách nhiệm hữu hạn một thành viên **Ngân hàng V**, địa chỉ: Tầng 2, tòa nhà R, số 9 đường Đ, phường A, quận B, Thành phố H

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn:

+ Ông Lô Bằng G – Chủ tịch Hội đồng thành viên, địa chỉ: 199 Đội C, quận B, TP.H là đại diện theo pháp luật của nguyên đơn

+ Ông Lê Hiền T – Trưởng phòng thu hồi nợ pháp lý, Trung tâm thu hồi hội khối quản trị rủi ro, địa chỉ: 194/41/5 Võ Văn T, phường A, quận B, Thành phố H là đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn (Văn bản ủy quyền ngày 18 tháng 4 năm 2018).

+ Ông Hà Văn T, sinh năm 1993 – Nhân viên, địa chỉ: 2277 Trần Văn T, ấp B, xã P, huyện N, tỉnh Đồng Nai là đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn (Văn bản ủy quyền ngày 19 tháng 4 năm 2018)

- Bị đơn: Bà **Lê Mỹ X**, sinh năm 1989

Địa chỉ: Ấp Do T, xã Vĩnh M, huyện H, tỉnh B

Tạm trú: Cơ sở trọ bà Lê Thị Thanh H, ấp 5, xã L, huyện N, tỉnh Đồng Nai

- Ông Hà Văn T có mặt

- Bà Lê Mỹ X vắng mặt lần thứ hai không lý do

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện, các bản khai và tại phiên tòa, anh Hà Văn T là đại diện ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Bà Lê Mỹ X và Công ty tài chính TNHH một thành viên Ngân hàng V ký Đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng số 20161005-500000-6109 ngày 06/10/2016. Công ty cho bà X vay 33.127.000đồng đã giao đủ cho bà X, thời hạn vay 24 tháng, mục đích vay tiêu dùng cá nhân, lãi suất cho vay 4.58%/tháng, theo thỏa thuận trong hợp đồng bà X có trách nhiệm thanh toán số tiền 55.294.000đồng gốc và lãi. Thời hạn trả nợ bắt đầu từ ngày 10/11/2016.

Sau khi vay, bà X đã trả được 6 lần với số tiền 12.802.000đồng (gốc 8.320.857đồng, lãi 4.481.143đồng), lần cuối cùng bà X trả gốc 1.217.000đồng vào ngày 04/11/2018. Từ đó đến nay, bà X vi phạm nghĩa vụ thanh toán, không trả tiền gốc và lãi cho Công ty. Phía công ty nhiều lần liên hệ và tạo điều kiện cho bà X thanh toán nhưng bà không thực hiện.

Nay Công ty tài chính TNHH một thành viên Ngân hàng V yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Lê Mỹ X trả số tiền nợ vay tín dụng 42.492.000đồng (gốc 24.806.143đồng, lãi 17.685.857đồng).

Bà Lê Mỹ X không có văn bản ghi ý kiến trình bày dù đã được tổng đạt hợp lệ nhiều lần

Viện kiểm sát phát biểu quan điểm tố tụng: Tòa án nhân dân huyện N thụ lý và xác định quan hệ pháp luật đúng với quy định của pháp luật. Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử đúng theo quy định pháp luật; Về tư cách tham gia tố tụng, thu thập chứng cứ, thời hạn gửi hồ sơ sang Viện kiểm sát, nguyên tắc xét xử đúng quy định của pháp luật. Hội đồng xét xử tiến hành đúng trình tự, thủ tục. Đương sự chấp hành đúng quy định pháp luật.

Về nội dung: Đối với yêu cầu trả tiền vay gốc và lãi của nguyên đơn có cơ sở chấp nhận đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm vấn tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả thẩm vấn, tranh luận tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

1/ Về quan hệ pháp luật và thời hiệu khởi kiện:

Nguyên đơn Công ty tài chính TNHH một thành viên Ngân hàng V khởi kiện bị đơn bà Lê Mỹ X yêu cầu bà X trả số tiền vay tín dụng 42.492.000đồng (gốc 24.806.143đồng, lãi 17.685.857đồng) và tiền lãi phát sinh theo quy định tại hợp đồng đã ký đến khi trả hết nợ. Do đó xác định quan hệ pháp luật của vụ án là “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”.

2/ Về tư cách đương sự và thẩm quyền:

Căn cứ các Điều 26, 35, 39, 68 Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015 xác định: Nguyên đơn là Công ty tài chính TNHH một thành viên Ngân hàng V; bị đơn bà Lê Mỹ X. Vụ án tranh chấp thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện N. Bà Lê Mỹ X đã được tổng đạt hợp lệ nhưng vắng mặt lần thứ 2 không lý do nên căn cứ vào Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử vắng mặt bà X theo quy định.

3/ Xét yêu cầu khởi kiện:

Xét các yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Công ty tài chính TNHH một thành viên Ngân hàng V khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Lê Mỹ X trả số tiền vay tín dụng 42.492.000đồng (gốc 24.806.143đồng, lãi 17.685.857đồng) là có căn cứ. Bởi lẽ, Công ty tài chính TNHH một thành viên Ngân hàng V yêu cầu bà X trả số tiền nợ 42.492.000đồng và cung cấp chứng cứ chứng minh là đơn đề nghị vay vốn kèm hợp đồng tín dụng số 20161005-500000-6109 ngày 06/10/2016 có chữ ký, chữ viết họ tên của bà X thể hiện nội dung vay tiền số tiền gốc 31.400.000đồng + phí bảo hiểm 1.727.000đồng, mỗi tháng trả góp 2.305.000đồng gốc và lãi, góp trong 24 tháng, tháng cuối phải trả 2.279.000đồng. Như vậy theo thỏa thuận bà X phải trả gốc và lãi số tiền $(2.305.000 \text{ đồng} \times 23) + 2.279.000 = 55.294.000\text{đồng}$. Công ty cung cấp chứng cứ bà X đã thanh toán được 12.802.000đồng (gốc 8.320.857đồng, lãi 4.481.143đồng). Như vậy số tiền bà X còn nợ gốc và lãi là $55.294.000\text{đồng} - 12.802.000\text{đồng} = 42.492.000\text{đồng}$.

Do đó cần xét xử buộc bà Lê Mỹ X trả số tiền vay tín dụng 42.492.000đồng (gốc 24.806.143đồng, lãi 17.685.857đồng) là phù hợp quy định pháp luật

4/ Về án phí: Tại khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2013/UBTVQH ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định: “Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong trường hợp toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận”, do đó bị đơn bà Lê Mỹ X phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Như nhận định trên xét đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát là có cơ sở chấp nhận.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 26, 35, 147, 220, 228, 266, 267 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 463, 466, 468 Bộ luật dân sự năm 2015

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2013/UBTVQH ngày 30 tháng 12 năm 2016.

Xử: Chấp nhận đơn khởi kiện của Công ty tài chính TNHH một thành viên Ngân hàng V

Buộc bị đơn bà Lê Mỹ X phải trả cho Công ty tài chính TNHH một thành viên Ngân hàng V số tiền 42.492.000đồng (gốc 24.806.143đồng, lãi 17.685.857đồng).

Về án phí: Bà Lê Mỹ X phải chịu 2.124.600đồng án phí dân sự sơ thẩm. Trả lại cho Công ty tài chính TNHH một thành viên Ngân hàng V 1.093.000đồng tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo biên lai thu số 004115 ngày 15 tháng 8 năm 2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện N.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm thì bị đơn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của bên cho vay thì lãi suất mà bị đơn phải tiếp tục thanh toán cho nguyên đơn theo Quyết định này cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với điều chỉnh lãi suất của nguyên đơn.

Trường hợp Bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được hoặc tổng đạt, niêm yết hợp lệ bản án./.

Nơi nhận:

- VKS, THADS, TAT;
- UBND xã;
- Đương sự;
- Lưu (HS, VP).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Duy Thúc